

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 01 - 6 - 2022
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Nga
2. Bà Nguyễn Thị Ly

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Bá Thi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa:
Ông Lê Hoàng Vinh - Kiểm sát viên

Trong ngày 01 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 338/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 237/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Lâm Thị N, sinh năm 1983

Địa chỉ: Số 307, tổ 09, ấp MB, xã NM, huyện CM, tỉnh An Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Lê Thanh H, sinh năm 1977

Địa chỉ: Ấp LT1, xã LG, huyện CM, tỉnh An Giang (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lâm Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh H do mai mối nên tiến đến hôn nhân vào khoảng tháng 11/2001 hoặc tháng 12/2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân xã LG, huyện CM, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại nhà của cha mẹ chồng thuộc ấp LT1, xã LG, huyện CM, tỉnh An Giang. Hai vợ chồng sống đến khoảng giữa năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xảy ra cự cãi. Đỉnh điểm phát sinh mâu thuẫn là vào năm 2009, trong lúc vợ chồng cự cãi thì anh H có hành vi đánh Chị N nhưng Chị N không có trình báo chính quyền địa phương. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, gia đình 02 bên không có động viên, hàn gắn tình cảm vợ chồng cho Chị N và anh H; bản thân Chị N và anh H cũng không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhận thấy mâu thuẫn của vợ chồng đã quá trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Chị N yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị N và anh H có 02 con chung tên Lê Thị Ngọc T, sinh ngày 01/10/2003 và Lê Minh T1, sinh ngày 08/10/2007. Sau khi ly hôn, Chị N đồng ý để anh Lê Thanh H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Minh T, sinh ngày 08/10/2007, Chị N không cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên Lê Thị Ngọc T, hiện nay đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 20/5/2022, anh Lê Thanh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh H và Chị N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LG, huyện CM, tỉnh An Giang vào khoảng năm 2003. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Anh H đồng ý ly hôn theo yêu cầu của Chị N.

Về con chung: Anh H và Chị N có 02 con chung tên Lê Thị Ngọc T, sinh ngày 01/10/2003 và Lê Minh T1, sinh ngày 08/10/2007. Sau khi ly hôn, anh Lê Thanh H yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Lê Minh T, sinh ngày 08/10/2007; không yêu cầu Chị N cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên Lê Thị Ngọc T, hiện nay đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

Chị Lâm Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước đây Chị N chỉ nghe anh H nói là Chị N và anh H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LG, khi anh H và Chị N xảy ra cự cãi vào năm 2009, anh H có đưa cho Chị N một tờ giấy và nói là giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, do tức giận nên Chị N xé bỏ tờ giấy do anh H đưa cho Chị N mà không có xem nội dung của tờ giấy nên không biết có phải là giấy chứng nhận đăng ký kết hôn hay không. Nay Chị N xác định lại giữa Chị N và anh H không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị N và anh H có 02 con chung tên Lê Thị Ngọc T, sinh ngày 01/10/2003 và Lê Minh T1, sinh ngày 08/10/2007, khi ly hôn, Chị N đồng ý để anh Lê Thanh H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Lê Minh T, sinh ngày 08/10/2007, Chị N không cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên Lê Thị Ngọc T, hiện nay đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Lê Thanh H vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Không công nhận chị Lâm Thị N và anh Lê Thanh H là vợ chồng. Anh Lê Thanh H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Lê Minh T, sinh ngày 08/10/2007; chị Lâm Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên Lê Thị Ngọc T, sinh ngày 01/10/2003 (hiện nay đã trưởng thành), tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Lâm Thị N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Lê Thanh H là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Đồng thời, anh Lê Thanh H có nơi cư trú tại Ấp LT1, xã LG, huyện CM, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Tại phiên tòa, anh Lê Thanh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Lê Thanh H.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với quan hệ hôn nhân: Quá trình giải quyết vụ án, chị Lâm Thị N và anh Lê Thanh H đều cho rằng, Chị N và anh H do mai mối nên tiến đến hôn nhân vào khoảng năm 2001 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LG, huyện CM, tỉnh An Giang vào khoảng năm 2003. Tuy nhiên, tại phiên tòa, Chị N xác định Chị N và anh H không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trước đây Chị N cho rằng giữa Chị N và anh H có đăng ký kết hôn là do nghe anh H nói lại, còn thủ tục đăng ký kết hôn là do anh H thực hiện và thực hiện như thế nào thì Chị N không biết; Chị N không thấy giấy chứng nhận đăng

ký kết hôn giữa Chị N và anh H. Lời trình bày của Chị N phù hợp với Công văn số 117/XN-UBND ngày 20/5//2022 của Ủy ban nhân dân xã Long Giang và Công văn số 296/CV-UBND ngày 25/5/2022 của Ủy ban nhân dân xã Nhơn Mỹ (nơi cư trú của anh H, Chị N) thể hiện không tìm thấy thông tin đăng ký kết hôn của anh H và Chị N. Do đó, có đủ căn cứ xác định anh H và Chị N đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001 cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, chị Lâm Thị N và anh Lê Thanh H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001, mặc dù có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nhưng anh H và Chị N không thực hiện việc đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Căn cứ Điều 9, Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Lâm Thị N và anh Lê Thanh H.

[2.2] Đối với con chung:

Chị Lâm Thị N và anh Lê Thanh H xác định có 02 con chung tên Lê Thị Ngọc T, sinh ngày 01/10/2003 và Lê Minh T, sinh ngày 08/10/2007.

Đối với con chung tên Lê Thị Ngọc T, hiện nay đã trưởng thành, anh H và Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

Đối với con chung tên Lê Minh T. Anh H và Chị N đều xác định hiện nay con chung đang sống với anh H. Khi ly hôn, Chị N đồng ý để anh H là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1; anh H có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1. Xét thấy, việc giao con chung cho người chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn phải đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất cho con cả về vật chất lẫn tinh thần. Cháu T1 đã sống với anh H từ khi anh H và Chị N sống ly thân nên tình cảm của cháu T1 đã gắn liền với người nuôi dưỡng; quá trình sinh sống với anh H, cháu T1 vẫn phát triển bình thường và cháu T1 cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống với anh H. Để ổn định cuộc sống cho cháu T1, giúp cháu T1 phát triển tốt nhất về vật chất và tinh thần, Hội đồng xét xử xét thấy thỏa thuận của anh H và Chị N về việc anh H là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 sau khi ly hôn phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lê Thanh H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn nên chị Lâm Thị N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình nhưng anh Lê Thanh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[2.3] Đối với tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị Lâm Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 9, 14, 15, 53, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị N.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Lâm Thị N và anh Lê Thanh H là vợ chồng.

[2] Về con chung:

Anh Lê Thanh H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Lê Minh T1, sinh ngày 08/10/2007, hiện nay con chung đang sống với anh Lê Thanh H.

Chị Lâm Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lê Thanh H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị Lâm Thị N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lâm Thị N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai số 0010427 ngày 25/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự

vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

[7] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Đường sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Phước Sang